ĐỀ THI MÔN HOÁ ÔN THI-1

Câu 1 : Thủy phân hoàn toàn 444 gam một lipit thu được 46 gam glixerol (glixerin) và hai loại axit béo. Hai loại axit béo đó là (cho H = 1, C = 12, O = 16)

A. $C_{17}H_{33}COOH$ và $C_{15}H_{31}COOH$ **B.** $C_{17}H_{31}COOH$ và $C_{17}H_{33}COOH$

C. $C_{17}H_{33}COOH$ và $C_{17}H_{35}COOH$ **D.** $C_{15}H_{31}COOH$ và $C_{17}H_{35}COOH$

Câu 2 : $C_4H_8O_2$ có bao nhiêu đồng phân axit?

A. 3 đồng phân **B.** 4 đồng phân **C.** 1 đồng phân **D.** 2 đồng phân

Câu 3 : Cho 15,6 gam hỗn hợp hai ancol (rượu) đơn chức, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng tác dụng hết với 9,2 gam Na, thu được 24,5 gam chất rắn. Hai ancol đó là (cho H = 1, C = 12, O = 16, Na = 23)

A. C_2H_5OH và C_3H_7OH **B.** C_3H_7OH và C_4H_9OH

C. C_3H_5OH và C_4H_7OH **D.** CH_3OH và C_2H_5OH

Câu 4 : Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp 2 axit cacboxylic thu được 3,36 lít CO_2 (đktc) và 2,7 gam nước. Hai axit trên thuộc loại nào trong những loại sau?

A. no, đa chức **B.** thơm, đơn chức

C. no, đơn chức, mạch hở **D.** không no, đơn chức

Câu 5 : Dãy gồm các chất đều tác dụng với $AgNO_3$ (hoặc Ag_2O) trong dung dịch NH_3, là :

A. axit fomic, vinylaxetilen, propin **B.** anđehit axetic, axetilen, butin-2

C. anđehit fomic, axetilen, etilen **D.** anđehit axetic, butin-1, etilen

Câu 6 : Cho 7,4 gam este X no, đơn chức phản ứng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư thu được 21,6 gam kết tủa. Công thức cấu tạo của X là

A. $HCOOCH_3$ **B.** $HCOOC_2H_5$

C. $HCOOCH_2CH_2CH_3$ **D.** $HCOOCH(CH_3)CH_3$

Câu 7 : Đốt cháy hoàn toàn a gam hỗn hợp các este no, đơn chức, mạch hở. Sản phẩm cháy được dẫn vào bình đựng dung dịch $Ca(OH)_2$ dư thấy khối lượng bình tăng 12,4 gam. Khối lượng kết tủa tạo ra là

A. 28,183 gam **B.** 20 gam **C.** 10 gam **D.** 12,4 gam

Câu 8 : Phát biểu KHÔNG đúng là:

A. Axit axetic phản ứng với dung dịch NaOH, lấy dung dịch muối vừa tạo ra cho tác dụng với khí CO2 lại thu được axit axetic

B. Dung dịch natri phenolat phản ứng với khí CO2, lấy kết tủa vừa tạo ra cho tác dụng với dung dịch NaOH lại thu được natri phenolat

C. Anilin phản ứng với dung dịch HCl, lấy muối vừa tạo ra cho tác dụng với dung dịch NaOH lại thu được anilin

D. Phenol phản ứng với dung dịch NaOH, lấy muối vừa tạo ra cho tác dụng với dung dịch HCl lại thu được phenol

Câu 9 : Trộn dung dịch chứa a mol $AlCl_3$ với dung dịch chứa b mol NaOH. Để thu được kết tủa thì cần có tỉ lệ

A. a : b > 1 : 4 **B.** a : b = 1 : 5 **C.** a : b = 1 : 4 **D.** a : b < 1 : 4

Câu 10 : Cho các chất sau: $HCOOH, (CH_3)_2CHCOOH, CH_2=CHCOOH, C_6H_5COOH$ Tên gọi thông thường của các hợp chất trên lần lượt là

A. axit fomic, axit propionic, axit propenoic, axit benzoic

B. axit fomic, axit 2-mtylpropanoic, axit acrylic, axit phenic

C. axit fomic, axit 2-metylpropioic, axit acrylic, axit benzoic

D. axit fomic, axit isobutiric, axit acrylic, axit benzoic

Câu 11 : Đốt cháy hoàn toàn a mol axit hữu cơ Y được 2a mol CO_2. Mặt khác, để trung hòa a mol Y cần vừa đủ 2a mol NaOH. Công thức cấu tạo thu gọn của Y là :

A. $HOOC-COOH$ **B.** C_2H_5-COOH

C. CH_3-COOH **D.** $HOOC-CH_2-CH_2-COOH$

Câu 12 : Cho 9,2 gam hỗn hợp $HCOOH$ và C_2H_5OH tác dụng hết với Na thì thể tích khí hiđro (đktc) thu được là

A. 1,12 lít **B.** 3,36 lít **C.** 4,48 lít **D.** 2,24 lít

Câu 13 : Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol hỗn hợp 2 axit cacboxylic là đồng đẳng kế tiếp thu được 3,36 lít CO_2 (đktc) và 2,7 gam nước. Công thức phân tử của chúng là

A. CH_3COOH, C_2H_5COOH **B.** C_2H_5COOH, C_3H_7COOH

C. $HCOOH, CH_3COOH$ **D.** Không xác định được

Câu 14 : Có các chất $C_2H_5OH, CH_3COOH, C_3H_5(OH)_3$. Để phân biệt các chất trên mà chỉ được dùng 1 hoá chất thì hoá chất đó là

A. quỳ tím **B.** dung dịch $NaOH$ **C.** $Cu(OH)_2$ **D.** kim loại Na

Câu 15 : Cho sơ đồ

$$C_6H_6(\text{benzen}) \xrightarrow[Fe,\ t^o]{+Cl_2\ (\text{ti le } 1:1)} X \xrightarrow[t^o \text{ cao, p cao}]{+NaOH\ \text{dac (du)}} Y \xrightarrow{+\text{axit HCl}} Z$$

Hai chất hữu cơ Y, Z lần lượt là:

A. $C_6H_4(OH)_2, C_6H_4Cl_4$ **B.** C_6H_5ONa, C_6H_5OH

C. $C_6H_6(OH)_6, C_6H_6Cl_6$ **D.** C_6H_5OH, C_6H_5Cl

Câu 16 : Trung hoá 9 gam một axit no, đơn chức bằng lượng vừa đủ NaOH thu được 12,3 gam muối. Axit đó là

A. $HCOOH$ **B.** C_2H_5COOH **C.** CH_3COOH **D.** C_3H_7COOH

Câu 17 : Cho 14,8 gam hỗn hợp 2 axit hữu cơ no, đơn chức tác dụng với lượng vừa đủ Na_2CO_3 tạo thành 2,24 lít CO_2 (đktc). Khối lượng muối thu được là

A. 2,2 gam **B.** 20,2 gam **C.** 19,2 gam **D.** 21,2 gam

Câu 18 : Hiđrat hóa 2 anken chỉ tạo thành 2 ancol (rượu). Hai anken đó là.

A. eten và but -1-en (hoặc buten-1) **B.** eten và but-2-en (hoặc buten-2)

C. 2-metylpropen và but-1-en (hoặc buten -1) **D.** propen và but-2-en (hoặc buten-2)

Câu 19 : Chỉ dùng 1 hoá chất nào dưới đây để phân biệt hai bình mất nhãn chứa khí C_2H_2 và $HCHO$?

A. $Cu(OH)_2$ **B.** dung dịch $NaOH$

C. dung dịch brom **D.** dung dịch $AgNO_3/NH_3$

Câu 20 : Đun nóng 0,1 mol X với lượng vừa đủ dung dịch $NaOH$ thu được 13,4 gam muối của axit hữu cơ đa chức B và 9,2 gam ancol đơn chức C. Cho toàn bộ ancol C bay hơi ở 127^oC và 600 mmHg sẽ chiếm thể tích 8,32 lít. Công thức phân tử của chất X là

A. $CH(COOCH_3)_3$ **B.** $H_5C_3-OOC-COO-C_3H_5$

C. $H_3C-OOC-CH_2-CH_2-COO-CH$ **D.** $C_2H_5-OOC-COO-C_2H_5$

Câu 21 : Thực hiện phản ứng este hoá m gam CH_3COOH bằng một lượng vừa đủ C_2H_5OH thu được 0,02 mol este (giả sử hiệu suất phản ứng bằng 100%) thì giá trị của m là

A. 1,4 gam **B.** 1,1 gam **C.** 1,2 gam **D.** 2,1 gam

Câu 22 : Chia a gam axit axetic thành 2 phần bằng nhau Phần 1: trung hoà vừa đủ bởi 0,5 lít dung dịch $NaOH$ 0,4M Phần 2: thực hiện phản ứng este hoá ới ancol etylic thu được m gam este (giả sử hiệu suất phản ứng là 100%). Vậy m có giá trị là

A. 16,7 gam **B.** 18,6 gam **C.** 17,6 gam **D.** 16,8 gam

Câu 23 : Cho a gam hỗn hợp $HCOOH$ và C_2H_5OH tác dụng hết với Na thì thể tích khí hiđro (đktc) thu được là 1,68 lít. Giá trị của a là

A. 7,2 gam **B.** 5,5 gam **C.** 4,6 gam **D.** 6,9 gam

Câu 24 : Cho sơ đồ phản ứng:

$$CH_3COONa \xrightarrow[t^o]{\text{voi toi xut}} X \xrightarrow[1:1]{Cl_2,as} Y \xrightarrow{ddNaOH,t^o} Z \xrightarrow{CuO,t^o} T$$

X, Y, Z, T là các hợp chất hữu cơ, công thức của T là

A. CH_2O_2 **B.** CH_3CHO **C.** CH_3OH **D.** $HCHO$

Câu 25 : Cho m gam tinh bột lên men thành ancol (rượu) etylic với hiệu suất 81%. Toàn bộ lượng CO_2 sinh ra được hấp thụ hoàn toàn vào dung dịch $Ca(OH)_2$, thu được 550 gam kết tủa và dung dịch X. Đun kỹ dung dịch X thu thêm được 100 gam kết tủa. Giá trị của m là (cho H = 1, C = 12, O = 16, Ca = 40)

A. 750 **B.** 550 **C.** 650 **D.** 810

Câu 26 : A, B là 2 axit no, đơn chức, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng. Cho hỗn hợp gồm 4,6 gam A và 6 gam B tác dụng hết với kim loại Na thu được 2,24 lít hiđro (đktc). Công thức phân tử của A và B lần lượt là

A. C_3H_7COOH, C_5H_9COOH **B.** C_2H_5COOH, C_3H_7COOH

C. $HCOOH, CH_3COOH$ **D.** CH_3COOH, C_2H_5COOH

Câu 27 : Khối lượng CuO cần phải lấy để tác dụng vừa đủ với 39 gam CH_3COOH là

A. 23 gam **B.** 21 gam **C.** 26 gam **D.** 25 gam

Câu 28 : Dung dịch HCl và dung dịch CH_3COOH có cùng nồng độ mol/l, pH của hai dung dịch tương ứng là x và y. Quan hệ giữa x và y là (giả thiết, cứ 100 phân tử CH_3COOH thì có 1 phân tử điện li).

A. y = x + 2 **B.** y = 100x **C.** y = x − 2 **D.** y = 2x

Câu 29 : Cho 0,1 mol anđehit X tác dụng với lượng dư $AgNO_3$ (hoặc Ag_2O) trong dung dịch NH_3, đun nóng thu được 43,2 gam Ag. Hiđro hóa X thu được Y, biết 0,1 mol Y phản ứng vừa đủ với 4,6 gam Na. Công thức cấu tạo thu gọn của X là (cho Na = 23, Ag = 108)

A. $OHC-CHO$ **B.** $HCHO$ **C.** CH_3CHO **D.** $CH_3CH(OH)Cl$

Câu 30 : Cho các chất sau:

$CH_3CH_2CHO, CH_2=CHCHO, CH_3COCH_3, CH_2=CHCH_2OH$

Những chất nào tác dụng hoàn toàn với $H_2(Ni, t^o)$ dư cho cùng 1 sản phẩm?

A. $CH_3CH_2CHO, CH_2=CH-CHO, CH_3-CO-CH_3, CH_2=CH-CH_2OH$

B. $CH_2=CH-CHO, CH_3-CO-CH_3, CH_2=CH-CH_2OH$

C. $CH_3CH_2CHO, CH_2=Ch-CHO, CH_3-CO-CH_3$

D. $CH_3CH_2CHO, CH_2=CH-CHO, CH_2=CH-CH_2OH$

Câu 31 : Xà phòng hoá hoàn toàn 2,22 gam hỗn hợp 2 este A, B là đồng phân của nhau cần dùng vừa hết 30ml dung dịch NaOH 1M. Mặt khác khi đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp este đó thu được khí CO_2 và H_2O với thể tích bằng nhau (ở cùng điều kiện). Công thức cấu tạo của 2 este là

A. $CH_3COOCH=CH_2, CH_2=CHCO($ **B.** $CH_3COOCH_3, HCOOC_2H_5$

C. $HCOOCH_2CH_2CH_3, HCOOCH(CH$ **D.** $CH_3COOC_2H_5, C_2H_5COOCH_3$

Câu 32 : Hỗn hợp gồm hiđrocacbon X và oxi có tỉ lệ số mol tương ứng là 1:10. Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp trên thu được hỗn hợp khí Y. Cho Y qua dung dịch H_2SO_4 đặc, thu được hỗn hợp khí Z có tỉ khối đối với hiđro bằng 19. Công thức phân tử của X là (cho H = 1, C = 12, O = 16)

A. C_3H_8 **B.** C_4H_8 **C.** C_3H_4 **D.** C_3H_6

Câu 33 : Hiđrat hóa 2 anken chỉ tạo thành 2 ancol (rượu). Hai anken đó là.

A. eten và but -1-en (hoặc buten-1) **B.** eten và but-2-en (hoặc buten-2)

C. 2-metylpropen và but-1-en (hoặc buten -1) **D.** propen và but-2-en (hoặc buten-2)

Câu 34 : Trong phòng thí nghiệm, để điều chế một lượng nhỏ khí X tinh khiết, người ta đun nóng dung dịch amoni nitrit bão hòa. Khí X là

A. NO_2 **B.** N_2 **C.** N_2O **D.** NO

Câu 35 : Công thức chung của axit cacboxylic no, đơn chức, mạch hở là

A. $C_nH_{2n+2}O_2$ **B.** $C_nH_{2n+1}O_2$ **C.** $C_nH_{2n-1}O_2$ **D.** $C_nH_{2n}O_2$

Câu 36 : Hòa tan 5,6 gam Fe bằng dung dịch H_2SO_4 loãng (dư) , thu được dung dịch X. Dung dịch X phản ứng vừa đủ với V ml dung dịch $KMnO_4$ 0,5M. Giá trị của V là (cho Fe = 56)

A. 20 **B.** 40 **C.** 60 **D.** 80

Câu 37 : Khối lượng MgO cần phải lấy để tác dụng vừa đủ với 39 gam CH_3COOH là

A. 14 gam **B.** 10 gam **C.** 13 gam **D.** 15 gam

Câu 38 : Công thức chung của axit cacboxylic no, đa chức, mạch hở là

A. $C_nH_{2n-m}(COOH)_m$ **B.** $C_nH_{2n+1}(COOH)_m$

C. $C_nH_{2n-1}COOH$ **D.** $C_nH_{2n+2-m}(COOH)_m$

Câu 39 : Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là (cho H = 1, C = 12, O = 16, Na = 23)

A. 3,28 gam **B.** 8,56 gam **C.** 8,2 gam **D.** 10,4 gam

Câu 40 : Chia m gam C_2H_5OH làm 2 phần bằng nhau Phần 1: Cho tác dụng hết với Na thu được 2,24 lít hiđro (đktc) Phần 2: Đem thực hiện phản ứng hoá este với axit CH_3COOH. Giả sử hiệu suất phản ứng đạt 100% thì khối lượng este thu được là

A. 18,7 gam **B.** 17,6 gam **C.** 16,7 gam **D.** 17,8 gam

Câu 41 : Để điều chế axit trực tiếp từ anđehit ta có thể dùng chất oxi hoá nào sau đây?

A. dung dịch $AgNO_3/NH_3$ **B.** $Cu(OH)_2/OH^-, t^o$

C. dung dịch $AgNO_3/NH_3$ hoặc $Cu(OH)_2/OH^-, t^o$ **D.** $O_2(Mn^{2+}, t^o)$

Câu 42 : Khi nung hỗn hợp các chất $Fe(NO_3)_2$, $Fe(OH)_3$ và $FeCO_3$ trong không khí đến khối lượng không đổi, thu được một chất rắn là

A. Fe_2O_3 **B.** FeO **C.** Fe **D.** Fe_3O_4

Câu 43 : Đốt a gam C_2H_5OH thu được 0,2 mol CO_2. Đốt b gam CH_3COOH thu được 0,2 mol

CO_2 . Cho a gam C_2H_5OH tác dụng với b gam CH_3COOH có xúc tác là H_2SO_4 đặc (giả sử hiệu suất phản ứng là 100%) thì thu được bao nhiêu gam este?

A. 4,4 gam **B.** 8,8 gam **C.** 13,2 gam **D.** 17,6 gam

Câu 44 : Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol este X rồi dẫn sản phẩm cháy vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư thu được 20 gam kết tủa. Công thức phân tử của X là

A. $HCOOC_2H_5$ **B.** $HCOOCH_3$ **C.** $CH_3COOC_2H_5$ **D.** CH_3COOCH_3

Câu 45 : Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol hỗn hợp 2 axit cacboxylic là đồng đẳng kế tiếp thu được 3,36 lít CO_2 (đktc) và 2,7 gam nước. Số mol của mỗi axil lần lượt là

A. 0,06 mol và 0,04 mol **B.** 0,045 mol và 0,055 mol

C. 0,05 mol và 0,05 mol **D.** 0,04 mol và 0,06 mol

Câu 46 : Hòa tan hoàn toàn 2,81 gam hỗn hợp gồm Fe_2O_3, MgO, ZnO trong 500 ml axit H_2SO_4 0,1M (vừa đủ). Sau phản ứng, hỗn hợp muối sunfat khan thu được khi cô cạn dung dịch có khối lượng là (cho H = 1, O = 16, Mg = 24, S = 32, Fe = 56, Zn = 65)

A. 6,81 gam **B.** 5,81 gam **C.** 3,81 gam **D.** 4,81 gam

Câu 47 : Để điều chế anđehit từ ancol bằng 1 phản ứng, người ta dùng

A. ancol bậc 3 **B.** ancol bậc 1 và ancol bậc 2 **C.** ancol bậc 2 **D.** ancol bậc 1

Câu 48 : Dãy gồm các ion X^+, Y^- và nguyên tử Z đều có cấu hình electron $1s^22s^22p^6$ là:

A. K^+, Cl^-, Ar **B.** Na^+, F^-, Ne **C.** Li^+, F^-, Ne **D.** Na^+, Cl^-, Ar

Câu 49 : Hỗn hợp X gồm axit HCOOH và axit CH_3COOH (tỉ lệ mol 1:1). Lấy 5,3 gam hỗn hợp X tác dụng với 5,75 gam C_2H_5OH (có xúc tác H_2SO_4 đặc) thu được m gam hỗn hợp este (hiệu suất của các phản ứng este hóa đều bằng 80%). Giá trị của m là (cho H = 1, C = 12, O = 16)

A. 6,48 **B.** 10,12 **C.** 8,10 **D.** 16,20

Câu 50 : Nilon – 6,6 là một loại

A. tơ poliamit **B.** tơ visco **C.** tơ axetat **D.** polieste

Caâu 51: Cho m g hoãn hôïp goàm 3 kim loaïi ñöùng tröôùc H_2 trong daõy hoaït ñoäng hoùa hoïc phaûn öùng heát vôùi H_2SO_4 dö, thu ñöôïc 1,008 lít H_2 (ñkc). Coâ caïn dung dòch thu ñöôïc 7,32 g raén. Vaäy m coù theå baèng:

A. 3g B. 5,016g C. 2,98g D. Keát quaû khaùc

Caâu 52: Cho hỗn hợp Z gồm 2 rượu có công thức $C_xH_{2x+2}O$ và $C_yH_{2y}O$ biết: x + y - 6 và y ≠ x ≠ 1. Công thức phân tử hai rượu là:

A. C_3H_8O và $C_5H_{10}O$ B. CH_4O và C_3H_6O C. C_2H_6O và C_4H_8O D. $C_4H_{10}O$ và $C_6H_{12}O$

Caâu 53: Trong $CuFeS_2$ coù:

A. Soá oxi hoaù cuûa Fe, Cu laàn löôït baèng +2 , +2 **B.** Soá oxi hoaù cuûa Fe, Cu laàn löôït baèng +3, +2

C. Soá oxi hoaù cuûa Fe, Cu laàn löôït baèng +2, +1 **D.** A, B,C ñeàu sai

Caâu 54: Cho 8,8 gam một hỗn hợp gồm 2 kim loại ở 2 chu kì liên tiếp thuộc phân nhóm chính nhóm II tác dụng với 120 ml dung dịch HCl 1M,ñöôïc 6,72 lít (ñkc) khí hiđro Hai kim loại đó là:

A. Be và Mg B. Ca và Sr C. Mg và Ca D. A, B ñeàu ñuùng

Caâu 55: Có một hợp chất hữu cơ đơn chức Y, khi đốt cháy Y ta chỉ thu được CO_2 và H_2O với số mol như nhau và số mol oxi tiêu tốn gấp 4 lần số mol của Y. Biết rằng: Y làm mất màu dung dịch brom và khi Y cộng hợp hiđro thì được rượu đơn chức. Công thức cấu tạo mạch hở của Y là:

A. CH_3-CH_2-OH B. CH_2=CH-CH_2-CH_2-OH c. CH_3-CH=CH-CH_2-OH d. CH_2=CH-CH_2-OH .

Caâu 6: Cho pö R + HNO_3 + HCl→ X + NO + H_2O; Vôùi R laø kim loaïi. Vaäy X laø:

A. $R(NO_3)_n$ B.RCl_n C. $R(NO_3)_n$; RCl_n D. A,B,C sai

Caâu 57: $M_2(CO_3)_n$+ HNO_3 ñaëc → Muoái X+ **NO**$_2$ + H_2O+ CO_2 (1). Vaäy M laø : A. Zn B. Cu C. Fe D. Al

Caâu 59: FeS_2+ A → $FeSO_4$ + H_2S + S (1). Vaäy A laø :

A. H_2SO_4 (loaõng) B. H_2SO_4 (Ñaëc) C. A, B ñeàu ñuùng D. A, B ñeàu sai

Caâu 60:Ñeå nhaän bieát $NaHCO_3$ vaø NH_4HSO_4 ta coù theå duøng:

A. ddHCl B. dd$Ba(OH)_2$ C. ddNaOH D. A, B, C ñeàu ñöôïc

Caâu 61: Cho hhA; Ag, Cu Fe phaûn öùng heát vôùi HNO_3; thu ñöôïc hhG:NO, NO_2; thaáy löôïng nöôùc taêng 7,2 gam.

Số mol HNO_3 tham gia phản ứng bằng:

A. 0,35mol B. 0,25mol C. 0,2mol D. Giá trị khác

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Giám thị 1 :

Họ và tên : ……
……..

Chữ ký :
……

Giám thị 2 :

Họ và tên : ……
……..

Chữ ký : ……

1. Tỉnh/TP ……
2. Hội đồng coi thi: ……
……
3. Phòng thi: ……
4. Họ và tên thí sinh: ……
……
5. Ngày sinh: ……/……/……..
6. Chữ kí của thí sinh: ……
7. Môn thi : ……
8. Ngày thi : ……/……../……..

9. Số báo danh

10. Mã đề thi

MÔN HOÁ ÔN THI-1 (ĐỀ SỐ 1)

Lưu ý: - Thí sinh dùng bút tô kín các ô tròn trong mục số báo danh và mã đề thi trước khi làm bài. Cách tô sai: ⊙ ✪ ⊗

- Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh được chọn và tô kín một ô tròn tương ứng với phương án trả lời. Cách tô đúng : ●

01	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	28	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
02	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	29	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
03	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	30	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
04	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	31	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
05	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	32	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
06	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	33	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
07	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	34	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
08	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	35	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
09	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	36	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
10	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	37	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
11	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	38	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
12	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	39	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
13	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	40	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
14	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	41	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
15	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	42	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
16	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	43	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
17	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	44	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
18	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	45	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
19	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	46	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
20	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	47	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
21	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	48	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
22	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	49	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
23	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	50	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
24	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ							
25	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ							
26	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ							
27	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ							

PHIẾU SOI - ĐÁP ÁN *(Dành cho giám khảo)*

MÔN : HOÁ ÔN THI-1

ĐỀ SỐ : 1

01	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	28	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
02	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●	29	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
03	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	30	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●		
04	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	31	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
05	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	32	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
06	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ	33	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
07	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ	34	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
08	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	35	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●		
09	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	36	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
10	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●	37	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ		
11	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	38	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●		
12	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●	39	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
13	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	40	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
14	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	41	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●		
15	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ	42	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
16	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	43	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
17	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	44	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
18	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ	45	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ		
19	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●	46	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
20	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●	47	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●		
21	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	48	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
22	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	49	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
23	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●	50	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
24	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●							
25	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ							
26	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ							
27	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ							